

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LAO BẢO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1163/QĐ-UBND

Lao Bảo, ngày 15 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách xã Lao Bảo năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LAO BẢO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13; được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 27/8/2025 của HĐND xã Lao Bảo về việc thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương xã Lao Bảo năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã Lao Bảo năm 2025.

(Theo các phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Công TTĐT xã Lao Bảo;
- Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Anh Vũ

Phụ lục 01

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1163/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Lao Bảo)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	3
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	137.253.969.807
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.635.000.000
-	Thu NSDP hưởng 100%	195.000.000
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	2.440.000.000
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	134.076.969.807
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	118.340.209.375
2	Thu bổ sung có mục tiêu	15.736.760.432
III	Thu từ nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp	542.000.000
IV	Thu kết dư	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NSDP	137.253.969.807
I	Tổng chi cân đối NSDP	122.562.684.625
1	Chi đầu tư phát triển (1)	
2	Chi thường xuyên	121.241.788.625
3	Dự phòng ngân sách	1.320.896.000
II	Chi các chương trình mục tiêu	14.149.285.182
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	3.994.000.000
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	10.155.285.182
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
IV	Chi từ nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp	542.000.000

Phụ lục 02

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1163 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Lao Bảo)

Đơn vị: đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	3	4
	TỔNG THU NSNN	2.635.000.000	2.635.000.000
I	Thu nội địa	2.635.000.000	2.635.000.000
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	960.000.000	960.000.000
	- Thuế GTGT	960.000.000	960.000.000
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.110.000.000	1.110.000.000
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	280.000.000	280.000.000
8	Thu phí, lệ phí	195.000.000	195.000.000
-	Phí và lệ phí xã, phường	195.000.000	195.000.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	90.000.000	90.000.000
II	Thu từ dầu thô		
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu		
IV	Thu viện trợ		

Phụ lục 03

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 1163 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Lao Bảo)

Đơn vị: Đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	2
	TỔNG CHI NSDP	137.253.969.807
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	122.562.684.625
I	Chi đầu tư phát triển (1)	-
II	Chi thường xuyên	121.241.788.625
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	90.624.155.088
2	Chi khoa học và công nghệ (2)	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	
VI	Dự phòng ngân sách	1.320.896.000
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	14.149.285.182
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	3.994.000.000
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	1.262.000.000
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.392.000.000
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	340.000.000
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	10.155.285.182
1	Hỗ trợ kinh phí phục vụ vận hành hệ thống TABMIS; Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý tài chính - ngân sách, chuyển đổi số	131.613.182
2	Hỗ trợ nhân viên khuyến nông theo Nghị quyết số 62/2024/NQ-HĐND ngày 11/07/2024 của HĐND tỉnh	115.040.000
3	Hỗ trợ Tổ Bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở theo Nghị quyết số 38/2024/NQ-HĐND ngày 28/6/2024 của HĐND tỉnh	914.100.000
4	Kinh phí tiền lương và chi khác hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ	946.230.000
5	Kinh phí mua BHYT cho các đối tượng bảo trợ xã hội	58.742.000
6	Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	5.556.000.000
7	Các chế độ chính sách sự nghiệp giáo dục	2.397.560.000
8	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	36.000.000
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	
D	CHI TỪ NGUỒN THU CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP	542.000.000

Phụ lục 04

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1163 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Lao Bảo)

ĐVT: Đồng

S T T	Nội dung	Dự toán năm 2025
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>
A	CÂN ĐỐI THU - CHI NSDP	
I	Nguồn thu ngân sách	137.253.969.807
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	2.635.000.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	134.076.969.807
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>118.340.209.375</i>
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>15.736.760.432</i>
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính (1)	
4	Thu kết dư	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
6	Nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị	542.000.000
II	Chi ngân sách	137.253.969.807
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	136.711.969.807
2	Chi từ nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị	542.000.000
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP (1)	0

Phụ lục 05

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 163 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Lao Bảo)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	Dự toán HĐND xã giao
	Tổng thu NSNN trên địa bàn	137.253.969.807	137.253.969.807
	<i>Thu ngân sách địa phương được hưởng</i>	<i>137.253.969.807</i>	<i>137.253.969.807</i>
A	Thu cân đối	136.711.969.807	136.711.969.807
	<i>Trong đó: Địa phương được hưởng</i>	<i>136.711.969.807</i>	<i>136.711.969.807</i>
I	Thu Ngân sách trên địa bàn	2.635.000.000	2.635.000.000
	<i>Trong đó: Địa phương được hưởng</i>	<i>2.635.000.000</i>	<i>2.635.000.000</i>
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	960.000.000	960.000.000
	- Thuế GTGT	960.000.000	960.000.000
2	Lệ phí trước bạ	280.000.000	280.000.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	90.000.000	90.000.000
4	Thu phí, lệ phí	195.000.000	195.000.000
5	Thu tiền sử dụng đất		
6	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		
7	Thuế thu nhập cá nhân	1.110.000.000	1.110.000.000
8	Thu khác ngân sách		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	134.076.969.807	134.076.969.807
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	<i>118.340.209.375</i>	<i>118.340.209.375</i>
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>15.736.760.432</i>	<i>15.736.760.432</i>
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước		
B	Thu từ nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp	542.000.000	542.000.000
I	Các cơ quan, đơn vị	-	-
II	Các Trường học (thu học phí)	542.000.000	542.000.000

Phụ lục 06

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 163 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Lao Bảo)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	I
	TỔNG CHI NSDP	137.253.969.807
I	Chi đầu tư phát triển (2)	0
II	Chi thường xuyên	121.241.788.625
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	90.624.155.088
-	Chi khoa học và công nghệ (3)	0
-	Chi quốc phòng	2.600.641.000
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	524.000.000
-	Chi y tế, dân số và gia đình	6.000.000
-	Chi văn hóa thông tin	265.900.000
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	30.000.000
-	Chi thể dục thể thao	41.400.000
-	Chi bảo vệ môi trường	341.350.000
-	Chi các hoạt động kinh tế	2.101.252.928
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	24.261.227.609
-	Chi bảo đảm xã hội	445.862.000
-	Chi thường xuyên khác	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (3)	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (3)	
V	Dự phòng ngân sách	1.320.896.000
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CÁC CTMT, NHIỆM VỤ	14.149.285.182
D	CHI TỪ NGUỒN THU CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	542.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC
VÀ CÁC NHIỆM VỤ CHI KHÁC CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Lao Bảo)

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG, CTMT, nhiệm vụ				Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi đầu tư phát triển	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	TỔNG SỐ	136.711.969.807	0	121.241.788.625	0	0	1.320.896.000	0	14.149.285.182	0	14.149.285.182		
I	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TRƯỜNG HỌC	115.479.014.496	0	106.882.306.114	0	0	0	0	8.596.708.382	0	8.596.708.382		
A	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	0							0				
B	CHI THUỶỀN XUYỀN	115.479.014.496	0	106.882.306.114	0	0	0	0	8.596.708.382	0	8.596.708.382		
1	Văn phòng Đảng ủy xã	3.073.029.000		3.059.029.000					14.000.000		14.000.000		
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	2.691.953.766		2.677.953.766					14.000.000		14.000.000		
3	Văn phòng HĐND và UBND xã	6.494.238.339		6.023.038.339					471.200.000		471.200.000		
4	Phòng Kinh tế	1.806.935.732		1.697.146.550					109.789.182		109.789.182		
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	6.552.578.371		923.836.371					5.628.742.000		5.628.742.000		
6	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	553.147.000		539.147.000					14.000.000		14.000.000		
7	Trường Mầm non Lao Bảo	7.879.483.000		7.821.501.000					57.982.000		57.982.000		
8	Trường Mầm non Tân Long	7.033.623.000		6.940.700.000					92.923.000		92.923.000		
9	Trường Mầm non Tân Thành	4.455.331.480		4.364.481.480					90.850.000		90.850.000		
10	Trường Mầm non Vành Khuyên Lao Bảo	7.078.665.200		6.896.914.000					181.751.200		181.751.200		
11	Trường Tiểu học số 1 Lao Bảo	13.286.714.380		13.054.839.380					231.875.000		231.875.000		
12	Trường Tiểu học số 2 Lao Bảo	12.314.568.000		12.092.948.000					221.620.000		221.620.000		
13	Trường Tiểu học Tân Long	8.415.363.574		8.259.143.574					156.220.000		156.220.000		
14	Trường THCS Lao Bảo	13.014.943.105		12.404.574.105					610.369.000		610.369.000		
15	Trường THCS Tân Long	6.597.373.090		6.224.095.090					373.278.000		373.278.000		
16	Trường Tiểu học và THCS Tân Thành	12.653.067.459		12.324.958.459					328.109.000		328.109.000		
17	Ban quản lý Trung tâm Thương mại Lao Bảo	1.578.000.000		1.578.000.000					0		0		
II	CÁC NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ	4.614.250.394		1.105.463.172					3.508.787.222		3.508.787.222		
III	SỐ ĐÃ CHI ĐẾN 30/6/2025	15.946.707.167		13.254.019.339			648.898.250		2.043.789.578		2.043.789.578		
III	CHI TRẢ NỢ LẠI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (1)												
IV	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRÙ TÀI CHÍNH (1)												
V	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	671.997.750					671.997.750						
VI	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG												
VII	CHI BỔ SUNG CỘ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (2)												
VIII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU												

Đơn vị: Đồng

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ

CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 463/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Lao Bảo)

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh và truyền thanh	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ	121.241.788.625	90.624.155.088	0	2.600.641.000	524.000.000	6.000.000	265.900.000	30.000.000	41.400.000	341.350.000	2.101.252.928	24.261.227.609	445.862.000	0
A	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	14.920.151.026	120.564.507	0	765.732.453	207.378.886	6.000.000	181.381.264	27.000.000	19.440.000	317.484.952	97.153.598	12.979.235.766	198.779.600	0
1	Văn phòng Đảng ủy xã	3.059.029.000											3.059.029.000		
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	2.677.953.766						171.490.000					2.506.463.766		
3	Văn phòng HĐND và UBND xã	6.023.038.339			765.732.453	207.378.886							5.007.295.000	42.632.000	
4	Phòng Kinh tế	1.697.146.550									317.484.952	97.153.598	1.282.508.000		
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	923.836.371	120.564.507				6.000.000	9.891.264	27.000.000	19.440.000			584.793.000	156.147.600	
6	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	539.147.000											539.147.000		
B	KHOA TRƯỜNG HỌC	90.384.155.088	90.384.155.088	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trường Mầm non Lao Bảo	7.821.501.000	7.821.501.000												
2	Trường Mầm non Tân Long	6.940.700.000	6.940.700.000												
3	Trường Mầm non Tân Thành	4.364.481.480	4.364.481.480												
4	Trường Mầm non Vành Khuyển Lao Bảo	6.896.914.000	6.896.914.000												
5	Trường Tiểu học số 1 Lao Bảo	13.054.839.380	13.054.839.380												
6	Trường Tiểu học số 2 Lao Bảo	12.092.948.000	12.092.948.000												
7	Trường Tiểu học Tân Long	8.259.143.574	8.259.143.574												
8	Trường THCS Lao Bảo	12.404.574.105	12.404.574.105												
9	Trường THCS Tân Long	6.224.095.090	6.224.095.090												
10	Trường Tiểu học và THCS Tân Thành	12.324.958.459	12.324.958.459												
C	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KHÁC	1.578.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.578.000.000	0	0	0
1	Ban quản lý Trung tâm Thương mại Lao Bảo	1.578.000.000										1.578.000.000			
D	CÁC NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ	14.359.482.511	119.435.493	0	1.834.908.547	316.621.114	0	84.518.736	3.000.000	21.960.000	23.865.048	426.099.330	11.281.091.843	247.082.400	0
1	10% tiết kiệm chi thường xuyên tăng thêm (chưa bao gồm 10% tiết kiệm tại dư toán các trường)	181.027.172	9.507.168		55.551.484	20.819.876		1.095.696	3.000.000	2.160.000	2.348.328	13.644.519	75.900.101	0	
2	Số xã, thị trấn cũ đã chi	13.254.019.339	54.928.325		1.709.357.063	185.801.238		83.423.040	0	19.800.000	21.516.720	312.454.811	10.659.655.742	207.082.400	
3	Các nhiệm vụ chi khác tại ngân sách xã	921.436.000	55.000.000	0	70.000.000	110.000.000	0	0	0	0	0	100.000.000	546.436.000	40.000.000	0